

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

59578
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
VĨNH HƯỞNG
A TOÁN
VĨNH DƯƠNG
HỒ CHÍ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015.

Công ty được được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 53.856.000.000 đồng

Vốn thực góp: 53.856.395.109 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3957 4731

Fax: 028 3957 4745

Mã số thuế: 0301114000

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
Ông Tạ Bằng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Huy	Thành viên



Ban kiểm soát	Chức vụ
Ông Tống Văn Quảng	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thảo	Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thông	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2020. Theo Quyết định 6213/QĐ-UBND, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 10 sẽ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2018-2019. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



Số/2020/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3759
GTY
- MƯỜU H
TOÁN
T DƯƠNG
HỒ CHÍ

(BÁO CÁO KIÊM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2019 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 5797/TB-UBND ngày 28/5/2019 của UBND Quận 10 về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2020

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIÊM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Kiểm toán viên

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		95.872.495.951	93.248.629.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		70.985.129.119	63.955.064.555
1. Tiền	111	V.01		6.179.847.322	1.634.063.085
2. Các khoản tương đương tiền	112			64.805.281.797	62.321.001.470
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			24.435.341.766	25.713.886.216
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02		21.026.502.680	15.061.534.027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03		710.000.000	9.309.391.786
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04		2.698.839.086	1.342.960.403
IV. Hàng tồn kho	140			338.336.066	3.579.678.372
1. Hàng tồn kho	141	V.05		338.336.066	3.579.678.372
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			113.689.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06		113.689.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		105.053.710.946	96.526.211.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-	-
II. Tài sản cố định	220			36.745.200.528	27.039.541.769
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07		36.745.200.528	27.039.541.769
Nguyên giá	222			69.086.220.416	56.461.420.411
Giá trị hao mòn lũy kế	223			(32.341.019.888)	(29.421.878.642)
III. Bất động sản đầu tư	230			68.308.510.418	69.486.669.540
Nguyên giá	231	V.08		92.499.370.163	93.666.562.905
Giá trị hao mòn lũy kế	232			(24.190.859.745)	(24.179.893.365)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			200.926.206.897	189.774.840.452

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		74.846.527.207	62.984.080.913
I. Nợ ngắn hạn	310		48.790.068.261	40.542.195.818
4. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	617.870.679	1.021.370.954
5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	286.000.000	4.406.700.000
6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.944.546.600	2.213.344.574
7. Phải trả người lao động	314	V.12	17.708.459.901	16.815.059.418
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	217.517.280	67.655.490
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	24.015.673.801	16.018.065.382
II. Nợ dài hạn	330		26.056.458.946	22.441.885.095
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	10.511.049.235	8.678.322.101
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	14.199.207.369	12.173.774.503
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.16	1.346.202.342	1.589.788.491
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.079.679.690	126.790.759.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	58.571.967.709	58.571.967.709
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.856.395.109	53.856.395.109
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.715.572.600	4.715.572.600
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	67.507.711.981	68.218.791.830
1. Nguồn kinh phí	431		291.899.566	329.475.037
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		67.215.812.415	67.889.316.793
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.926.206.897	189.774.840.452

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	94.871.113.460	83.518.859.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.871.113.460	83.518.859.718
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	82.949.308.986	66.127.477.762
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.921.804.474	17.391.381.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.804.615.039	2.999.314.771
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	10.220.171.547	12.879.388.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.506.247.966	7.511.308.283
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.694.789.321	344.477.099
12. Chi phí khác	32	VI.06	-	953.227.670
13. Lợi nhuận khác	40		1.694.789.321	(608.750.571)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.201.037.287	6.902.557.712
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.440.207.457	1.571.157.076
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.760.829.830	5.331.400.636

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(*Phương pháp trực tiếp*)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU 1	MÃ SỐ 2	TM 3	NĂM NAY 4	NĂM TRƯỚC 5
			4	5
I. LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		127.470.985.857	142.160.105.982
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.384.637.474)	(36.909.266.186)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.597.659.180)	(29.977.033.991)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.736.851.007)	(2.221.310.886)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.553.517.886	52.904.859.391
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(107.759.018.067)	(122.750.341.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		6.546.338.015	3.207.012.474
II. LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.500.288.000)	(103.450.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.984.014.549	2.657.235.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		483.726.549	2.553.785.895
III. LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7.030.064.564	5.760.798.369

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.955.064.555	58.194.266.186
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		70.985.129.119	63.955.064.555

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020



Phạm Ngọc Thu
Người lập biên

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015.

Công ty được được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 53.856.000.000 VND

- Vốn thực góp: 53.856.395.109 VND

Trụ sở đặt tại: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kê toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chí phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	2.376.675	3.530.616
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	2.376.675	3.530.616
Tiền gửi ngân hàng VND	6.177.470.647	1.630.532.469
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10	4.727.471.283	474.895.433
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10 (B Nguyễn Kim)	797.152.343	768.573.449
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.820.521	2.798.797
Ngân hàng TMCP Rồng Việt	7.866.128	7.850.433
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	641.017.917	374.757.498
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	361.592	1.656.859
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	780.863	
Các khoản tương đương tiền	64.805.281.797	62.321.001.470
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	49.735.897.286	50.565.880.965
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	11.755.120.505
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	15.069.384.511	-
Tổng cộng	70.985.129.119	63.955.064.555

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019	01/01/2019
2. Phải thu khách hàng		
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Phải thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	10.511.049.235	8.678.322.101
- Phải thu các dịch vụ thu gom rác	425.888.000	679.049.484
- Phải thu Phòng tài chính kế hoạch Quận 10	2.332.939.758	2.332.939.758
- BQL Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 10	2.860.716.625	2.777.110.990
- Phòng tài chính Quận 10 (công trình ngoài ngân sách)	2.742.106.014	-
- Phải thu tiền bán nhà đường cao tốc	1.737.370.000	-
- Các khách hàng khác	416.433.048	594.111.694
Tổng cộng	21.026.502.680	15.061.534.027
3. Trả trước cho người bán		
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 10	-	9.013.000.000
- Trả trước tiền Nguyễn Tân Thuận (các công trình)	600.000.000	-
- Trả trước phần thiết kế Kios Phường 6	-	186.391.800
- Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC	55.000.000	55.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	55.000.000	55.000.000
- Các khách hàng khác	-	(14)
Tổng cộng	710.000.000	9.309.391.786
4. Các khoản phải thu khác		
	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngắn hạn</i>	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	821.039.781	-
Các khoản tạm ứng nhân viên	116.000.000	85.500.000
Phải thu thuế TNCN	214.481.964	107.468.434
Phải khấu hao TSCĐ chung cư Lê Thị Riêng	159.949.537	183.989.113
Phải thu về cổ phần hóa	545.184.404	545.184.404
Phải thu Bảo lãnh ngân hàng	24.685.144	67.041.350
Phải thu nhà vệ sinh	67.926.399	-
Phải thu công viên Z756	737.767.530	-
Khác	11.804.327	-
Tổng cộng	2.698.839.086	1.342.960.403

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	338.336.066	-	424.151.372	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	3.155.527.000	-
Tổng cộng	338.336.066	-	3.579.678.372	-

6. Chi phí trả trước

a *Chi phí trả trước ngắn hạn*

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí đồng phục cho nhân viên năm 2020	113.689.000	-
Tổng cộng	113.689.000	-



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2019	30.232.764.725	24.745.862.044	1.482.793.642	56.461.420.411
- Mua trong năm		12.758.436.365		12.758.436.365
- Giảm khác	(133.636.360)			(133.636.360)
Số dư ngày 31/12/2019	30.099.128.365	37.504.298.409	1.482.793.642	69.086.220.416
Kháu hao luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2019	10.479.161.417	17.576.828.237	1.365.888.988	29.421.878.642
- Khäu hao trong năm	1.118.354.588	1.906.713.198	27.709.820	3.052.777.606
- Giảm khác	(133.636.360)			(133.636.360)
Số dư ngày 31/12/2019	11.463.879.645	19.483.541.435	1.393.598.808	32.341.019.888
Giá trị còn lại				
Số dư ngày 01/01/2019	19.753.603.308	7.169.033.807	116.904.654	27.039.541.769
Số dư ngày 31/12/2019	18.635.248.720	18.020.756.974	89.194.834	36.745.200.528
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.855.415.550			
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.152.225.681			
Dụng cụ quản lý	1.344.244.543			
Tổng cộng	20.351.885.774			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUẾ
VĂN PHÒNG
PHƯƠNG
TIỆN VẬN
TẢI
TRUYỀN
DẪN
DỤNG
CỤ QUẢN
LÝ
NĂM
2019
TỔNG
CỘNG
QUẬN
10
TP.HCM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Chung cư và nhà SHNN	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	6.055.856.936	87.610.705.969	93.666.562.905
Tăng (ký hợp đồng thuê mới trong năm)		893.194.777	893.194.777
Giảm (bán trong năm,...)		(2.060.387.519)	(2.060.387.519)
Số dư ngày 31/12/2019	6.055.856.936	86.443.513.227	92.499.370.163
Khấu hao luỹ kế			
Số dư ngày 01/01/2019	4.458.504.189	19.721.389.176	24.179.893.365
Khấu hao trong năm	504.654.744		504.654.744
Giảm (bán trong năm,...)		(493.688.364)	(493.688.364)
Số dư ngày 31/12/2019	4.963.158.933	19.227.700.812	24.190.859.745
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01/01/2019	1.597.352.747	67.889.316.793	69.486.669.540
Số dư ngày 31/12/2019	1.092.698.003	67.215.812.415	68.308.510.418

Bất động sản tăng trong năm do ký hợp đồng thuê mới ; giảm trong năm do bán theo quy định.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Phải trả cho đội thi công Ngô Tân Đức	160.181.331	160.181.331	91.089.772	91.089.772
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Tân Thuận	440.605.919	440.605.919	930.281.182	930.281.182
- Phải trả các đối tượng khác	17.083.429	17.083.429	-	-
Tổng cộng	617.870.679	617.870.679	1.021.370.954	1.021.370.954

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước thuộc dự án công trình Cao Thắng	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
- CTY TNHH ĐTPT Phú Khang	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ông Tạ Công Tân	67.000.000	67.000.000	67.000.000	67.000.000
- Khách hàng khác	9.000.000	9.000.000	129.700.000	129.700.000
Tổng cộng	286.000.000	286.000.000	4.406.700.000	4.406.700.000

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
Thuế GTGT	449.333.725	16.408.259.450	15.566.634.431	1.290.958.744
Thuế TNDN (*)	618.231.649	1.491.065.457	1.736.851.007	372.446.099
Thuế TNCN	161.982.773	530.052.836	440.845.343	251.190.266
Tiền thuê đất	-	3.247.651.327	3.247.651.327	-
Thuế nhà đất		145.994.934	145.994.934	-
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phải nộp khác (tiền nhà SHNN)	983.796.427	9.641.216.454	6.595.061.390	4.029.951.491
Các khoản nộp phạt		16.316.784	16.316.784	-
Tổng cộng	2.213.344.574	31.484.557.242	27.753.355.216	5.944.546.600

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

12. Phải trả công nhân viên

	31/12/2019	01/01/2019
- Lương công nhân viên	8.404.200.235	7.880.180.700
- Lương viên chức quản lý	994.322.300	880.770.234
- Quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển sang	7.740.549.132	7.774.410.508
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	569.388.234	279.697.976
Tổng cộng	17.708.459.901	16.815.059.418

13. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

Chi phí phải trả thực hiện các dịch vụ công ích bên ngoài

Tổng cộng

	31/12/2019	01/01/2019
	217.517.280	67.655.490
Tổng cộng	217.517.280	67.655.490

14. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
- Kinh phí công đoàn	91.357.212	83.240.198
- Bảo hiểm xã hội	-	31.130.000 <i>31875</i>
- Lô D Ngô Gia Tự và Lô S Nguyễn Kim	335.648.566	359.823.214 <i>NG TY</i>
- Phải trả thuế GTGT Lô B- Nguyễn Kim	-	5.828.611.219 <i>MIỄM HỦY</i>
- Thu tiền thuê nhà lô R c/c Nguyễn Kim	5.018.192	5.704.656 <i>M TOÁN</i>
- Thu tiền bán nhà c/c C9	19.538.343	57.095.494 <i>TP.VC</i>
- Thu tiền thuê nhà c/c Trần Văn Kiểu	8.894.552	6.043.392
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	326.820.719	-
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	5.078.668	1.877.576
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	18.082.894	18.273.367
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	24.022.944	11.989.700
- Thu tiền bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	1.957.713.212	2.657.574.741
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	5.129.927	5.129.927
- Thu tiền nhà ở TĐC B29-C30	16.646.480.941	92.182.108
- Phí quản lý tiền bán, thuê nhà	-	406.776.489
- Phí sửa chữa - Bán nhà 397A & J8	33.821.964	33.821.964
- Tiền thuê nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	3.922.226	-
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	8.547.097	39.116

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14. Phải trả khác (tiếp theo)

a. Phải trả ngắn hạn khác

- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	1.066.157	815.464
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	114.268.820	158.401.397
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	797.232.388	768.573.449
- Tiền thuê nhà 7 căn thuộc 31 căn Quận đầu tư	3.639.720	3.639.720
- Tiền thuê trệt lồng Cao ốc A Ngô Gia Tự	412.029.590	460.442.492
- Tiền thuê trệt lồng Cao ốc B Ngô Gia Tự	806.331.789	806.331.789
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Đất)	1.761.259.451	3.226.745.456
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Nhà)	353.737.277	403.181.817
- Phí giữ lại 5% của gói thầu duy tu thoát nước	276.031.152	62.017.269
- Phải trả chi phí tiền cơm bổ sung cho nhân viên	-	313.994.640
- Tiền lãi chậm nộp thuế	-	115.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	99.608.728
Tổng cộng	24.015.673.801	16.018.065.382

b. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)

Tổng cộng

31/12/2019	01/01/2019
14.199.207.369	12.173.774.503
14.199.207.369	12.173.774.503

(*) Là khoản tiền đặt cọc thuê nhà theo các hợp đồng và các khoản tiền đặt cọc thuê các gian hàng Cao ốc như Nguyễn Kim, Ngô Gia Tự, ...

15 Doanh thu chưa thực hiện

Dài hạn

- Các khoản công nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN

Tổng cộng

31/12/2019	01/01/2019
10.511.049.235	8.678.322.101
10.511.049.235	8.678.322.101

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Tổng cộng

31/12/2019	01/01/2019
1.346.202.342	1.589.788.491
1.346.202.342	1.589.788.491

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư (01/01/2018)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709
Lãi trong năm trước			5.331.400.636	5.331.400.636
Trích lập các quỹ			(5.311.950.849)	(5.311.950.849)
Giảm khác			(19.449.787)	(19.449.787)
Số dư (01/01/2019)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709
Tăng vốn năm nay			-	-
Giảm trong năm			-	-
Lãi trong năm			5.760.829.830	5.760.829.830
Trích lập các quỹ			(5.760.829.830)	(5.760.829.830)
Số dư (31/12/2019)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
Vốn góp của nhà nước	53.856.395.109	53.856.395.109
- Uỷ Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	53.856.395.109	53.856.395.109
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.856.395.109	53.856.395.109
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	53.856.395.109	53.856.395.109
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	4.715.572.600	4.715.572.600
- Số dư cuối năm	4.715.572.600	4.715.572.600

18. Nguồn kinh phí và quỹ khác

a. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	329.475.037	275.808.040
Tăng trong năm	14.808.702.005	9.384.454.852
- Thu ngân sách các tiền nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	13.908.835.705	8.450.150.930
- Thu hộ dân tiền vận hành chung cư	899.866.300	934.303.922
Giảm trong năm	14.846.277.476	9.330.787.855
- Chi hoạt động sự nghiệp tiền nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	13.908.835.705	8.450.150.930
- Chi hộ dân tiền vận hành chung cư	937.441.771	880.636.925
- Số dư cuối năm	291.899.566	329.475.037
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	67.889.316.793	69.488.863.572
Tăng trong năm	893.194.777	555.498.759
Giảm trong năm	1.566.699.155	2.155.045.538
- Số dư cuối năm	67.215.812.415	67.889.316.793

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.871.113.460	83.518.859.718
Trong đó:		
Doanh thu kế hoạch chính - Cây xanh	2.357.789.341	2.372.817.409
Doanh thu kế hoạch chính - Lau kính	51.062.040	82.848.816
Doanh thu kế hoạch chính - Thoát nước	13.650.298.937	17.869.030.428
Doanh thu kế hoạch chính - Vệ sinh	13.833.466.524	13.514.061.614
Doanh thu kế hoạch chính - Vận chuyển	7.920.329.894	7.056.314.564
Doanh thu TTĐM Nhật Tảo	7.312.992.537	6.883.759.850
Doanh thu - Thu tiền thuê nhà SH NN	13.908.835.705	8.450.150.930
Doanh thu Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	2.297.818.175	2.439.945.454
Doanh thu Hoạt động khác - Phụ cây xanh	558.772.231	433.633.138
Doanh thu Hoạt động khác - Phụ vệ sinh	13.731.278.072	13.104.784.309
Doanh thu Hoạt động khác - Phụ thoát nước	360.145.454	697.392.365
Doanh thu Hoạt động khác - Nhà vệ sinh công cộng	505.454.544	489.090.911
Doanh thu Hoạt động khác - Công trình xây dựng	5.977.026.428	2.700.558.328
Doanh thu nền đất đường Cao Thắng	2.540.757.091	2.013.457.273
Doanh thu BQL VH chung cư	5.129.817.031	3.990.009.340
Doanh thu cao ốc B Nguyễn Kim	645.083.208	653.051.740
Doanh thu phụ đỗ xe	-	424.172.727
Doanh thu Bãi xe Phường 7	599.359.093	334.604.545
Doanh thu - Kios Phường 6	3.231.324.882	-
Doanh thu - Nhà vệ sinh Z756	149.999.999	-
Doanh thu khác	109.502.274	9.175.977
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.871.113.460	83.518.859.718

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kế hoạch chính - Cây xanh	3.026.658.355	2.489.774.908
Giá vốn kế hoạch chính - Thoát nước	7.532.373.669	7.600.340.226
Giá vốn kế hoạch chính - Vệ sinh	12.655.848.815	14.037.071.914
Giá vốn kế hoạch chính - Vận chuyển	10.756.037.733	10.130.797.198
Giá vốn TTĐM Nhật Tảo	4.943.746.426	4.697.607.184
Giá vốn - Thu tiền thuê nhà SHNN	13.908.835.705	8.450.150.930
Giá vốn Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	1.723.012.254	1.706.008.902
Giá vốn Hoạt động khác - Phụ cây xanh	501.905.298	389.074.099
Giá vốn Hoạt động khác - Phụ vệ sinh	11.549.090.865	7.775.213.349
Giá vốn Hoạt động khác - Phụ thoát nước	191.570.012	534.468.960
Giá vốn Hoạt động khác - Nhà vệ sinh công cộng	505.454.544	489.090.911
Giá vốn Hoạt động khác - Công trình xây dựng	6.008.895.171	2.587.696.913
Giá vốn BQL VH chung cư	5.283.848.878	3.916.526.181
Giá vốn cao ốc B Nguyễn Kim	645.083.208	653.051.740
Giá vốn phụ đồ xe	-	424.172.727
Giá vốn Bãi xe Phường 7	335.623.172	239.156.760
Giá vốn Kios Phường 6	3.231.324.882	-
Giá vốn Nhà vệ sinh Z756	149.999.999	-
Giá vốn khác	-	7.274.860
Tổng cộng	82.949.308.986	66.127.477.762

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.804.615.039	2.999.314.771
Tổng cộng	3.804.615.039	2.999.314.771

04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.465.248.594	5.641.205.831
Chi phí vật liệu quản lý	120.334.931	463.182
Chi phí đồ dùng văn phòng	605.246.845	652.027.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	380.652.476	435.031.402
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.057.562.359	4.189.484.752
Chi phí bằng tiền khác	1.587.126.342	1.957.175.996
Tổng cộng	10.220.171.547	12.879.388.444



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phải trả khác phí quản lý không chi trả	1.218.774.741	-
Các khoản phải trả khác Kios không chi trả	431.633.291	-
Thu thanh lý TSCĐ	-	184.090.909
Thu hoàn nhập quỹ KHCN năm 2013	-	77.799.149
Thu nhập khác	44.381.289	82.587.041
Tổng cộng	1.694.789.321	344.477.099

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt thuế	-	847.840.919
Chi phí khác	-	105.386.751
Tổng cộng	-	953.227.670

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.201.037.287	6.902.557.712
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	953.227.670
Thu nhập tính thuế	7.201.037.287	7.855.785.382
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.440.207.457	1.571.157.076

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	11.929.864.907	11.571.112.946
Chi phí nhân công;	31.035.079.189	29.781.830.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	3.557.432.350	3.115.111.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	20.343.770.777	18.790.619.725
Chi phí khác bằng tiền.	26.303.333.310	16.701.422.196
Tổng cộng	93.169.480.533	79.960.096.876

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.985.129.119	63.955.064.555
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	23.725.341.766	16.404.494.430
Tổng cộng	94.710.470.885	80.359.558.985

Công nợ tài chính	31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Dự phòng
Phải trả người bán, phải trả khác	38.832.751.849	29.213.210.839
Chi phí phải trả	217.517.280	67.655.490
Tổng cộng	39.050.269.129	29.280.866.329

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về lãi suất của là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.985.129.119		70.985.129.119
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	23.725.341.766	-	23.725.341.766
Tổng cộng	94.710.470.885	-	94.710.470.885

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	24.633.544.480	14.199.207.369	38.832.751.849
Chi phí phải trả	217.517.280		217.517.280
Tổng cộng	24.851.061.760	14.199.207.369	39.050.269.129
Chênh lệch thanh khoản thuần	69.859.409.125	-14.199.207.369	55.660.201.756

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.955.064.555		63.955.064.555
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	16.404.494.430	-	16.404.494.430
Tổng cộng	80.359.558.985	-	80.359.558.985

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	17.039.436.336	12.173.774.503	29.213.210.839
Chi phí phải trả	67.655.490		67.655.490
Tổng cộng	17.107.091.826	12.173.774.503	29.280.866.329
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.252.467.159	-12.173.774.503	51.078.692.656

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan là các viên chức quản lý	Mối quan hệ
Ông Tạ Bằng	Chủ tịch
Ông Huỳnh Hữu Huy	Thành viên
Ông Tống Văn Quảng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Thảo	Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thông	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng

Tổng quỹ lương thực hiện viên chức quản lý trong năm: 2.513.522.063 đồng

Tổng lương viên chức quản lý đã nhận trong năm: 1.519.200.000 đồng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2020. Theo Quyết định 6213/QĐ-UBND, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 10 sẽ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2018-2019. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020



Phạm Ngọc Thu

Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thảo

Giám đốc